

SDG indicator metadata

(Harmonized template - format 1.0)

0.a. Goal

Mục tiêu 7: Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người

0.b. Target

Mục tiêu 7.1: Đến năm 2020, cơ bản 100% hộ gia đình được tiếp cận với điện; đến năm 2025 đạt 100%; đến năm 2030 đảm bảo tiếp cận toàn dân đối với các dịch vụ năng lượng trong khả năng chi trả, đáng tin cậy và hiện đại (Mục tiêu 7.1 toàn cầu)

0.c. Indicator

Chỉ tiêu 7.1.1. Tỷ lệ hộ tiếp cận điện

0.d. Series

Proportion of population with access to electricity [7.1.1] EG_ACS_ELEC

0.e. Metadata update

tháng 6/2021

1.a. Organisation

Tổng cục Thống kê

1.f. Contact mail

54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

1.g. Contact email

2.a. Definition and concepts

Tỷ lệ hộ tiếp cận điện là tỷ lệ phần trăm số hộ tiếp cận điện trong tổng số hộ.

2.c. Classifications

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

3.a. Data sources

Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam.

3.b. Data collection method

Giống chỉ tiêu 6.2.1

Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam thuộc chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016. Đây là cuộc điều tra chọn mẫu, trong đó:

- Mục đích điều tra: Thu thập thông tin làm căn cứ đánh giá mức sống, đánh giá tình trạng nghèo đói và phân hóa giàu nghèo, giám sát và đánh giá một số chương trình mục tiêu quốc gia, cung cấp số liệu để tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng và phục vụ tính toán Hệ thống tài khoản quốc gia.

- Đối tượng, đơn vị điều tra

- + Hộ dân cư;

- + Các thành viên trong hộ dân cư;

- + Các xã có hộ dân cư được khảo sát (chỉ điều tra vào các năm có tậ cùng số chẵn).

Hộ là một hoặc một nhóm người ăn chung, ở chung trong một chỗ từ 6 tháng trở lên trong 12 tháng qua và có chung quỹ thu chi.

- Nội dung điều tra

- + Đối với hộ

Thu thập thông tin về: Đặc trưng nhân khẩu học; giáo dục, tình trạng sức khỏe và sử dụng các dịch vụ y tế (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng số chẵn); việc làm; thu nhập; chi tiêu (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng số chẵn); Tài sản; nhà ở; đồ dùng, điện, nước, công trình vệ sinh (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng số chẵn); Tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo, tình hình tín dụng (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng số chẵn).

+ Đối với xã (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng số chẵn)

Thu thập những thông tin sau: Thông tin chung về dân số và dân tộc cư trú trên địa bàn xã điều tra; kết cấu hạ tầng: điện, đường, trường, trạm, chợ, nguồn nước; tình trạng kinh tế; một số thông tin cơ bản về tình hình kinh tế xã hội.

- Phương pháp thu thập thông tin: Cuộc KSMSDC áp dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp. Điều tra viên có trách nhiệm đến gặp trực tiếp chủ hộ và những thành viên trong hộ có liên quan để phỏng vấn và ghi thông tin vào phiếu phỏng vấn hộ.

- Để bảo đảm chất lượng thông tin thu thập, điều tra viên không được gửi phiếu để chủ hộ hoặc các thành viên của hộ tự ghi chép hoặc sao chép các thông tin từ các nguồn dữ liệu có sẵn khác vào phiếu phỏng vấn.

- Các biện pháp giám sát chất lượng: Do tính chất phức tạp của cuộc khảo sát nên một số biện pháp kỹ thuật được sử dụng nhằm bảo đảm chất lượng số liệu khảo sát gồm:

+ Gọi điện thoại đến hộ để kiểm tra điều tra viên có đến hộ và phỏng vấn hộ trong bao lâu.

+ Phiếu phỏng vấn được thiết kế với phần lớn mã số đánh sẵn nhằm giảm thời gian đánh mã lại sau khi thu thập số liệu và giảm sai sót.

+ Công việc của 3 điều tra viên được 1 đội trưởng và giám sát viên kiểm tra chặt chẽ.

+ Phúc tra 10% số hộ khảo sát sau mỗi kỳ khảo sát.

+ Phiếu phỏng vấn được thiết kế tương đối chi tiết để tránh khai thác sót thông tin. Phiếu phỏng vấn được thiết kế để điều tra viên có chỗ ghi thông tin ngay vào phiếu, không phải mở sổ ghi chép trung gian. Phiếu phỏng vấn hộ, phần ghi thông tin in cách 3 dòng lại có dòng kẻ đúp để giúp điều tra viên tránh ghi nhầm dòng.

3.c. Data collection calendar

Thời kỳ, thời điểm điều tra: Năm có tận cùng số chẵn điều tra 4 kỳ vào tháng 3, 6, 9 và 12

3.d. Data release calendar

2 năm

3.e. Data providers

Tổng cục Thống kê

3.f. Data compilers

Tổng cục Thống kê

4.a. Rationale

Chỉ tiêu phản ánh mức độ thoả mãn các điều kiện sinh hoạt thiết yếu của người dân, đặc biệt đối với những người dân ở vùng sâu, vùng xa, khu vực kinh tế kém phát triển; là cơ sở đề ra chính sách, kế hoạch phát triển và cải thiện mức sống nhân dân.

4.b. Comment and limitations

Số liệu của Việt Nam chỉ tính hộ sử dụng điện lưới quốc gia

4.c. Method of computation

Method of computation

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ hộ tiếp cận điện (\%)} = \frac{\text{Số hộ tiếp cận điện}}{\text{Tổng số hộ}} \times 100$$

5. Data availability and disaggregation

Số liệu có sẵn 2 năm/lần từ 2010-2018

Số liệu có đầy đủ theo các phân tổ: thành thị/nông thôn; vùng; tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương 2 năm/lần từ 2010-2018

(Nguồn công bố: Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê)

6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu “Tỷ lệ hộ tiếp cận điện” tương ứng với chỉ tiêu SDG toàn cầu 7.1.1:
Proportion of population with access to electricity

7. References and Documentation

- Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ
- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;
- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>